

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HS-ST

Ngày: 11/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Th

2. Ông Nguyễn Văn Ng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2023/HSST ngày 30/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 24/4/2023 đối với bị cáo:

Y; giới tính: Nam; sinh năm 2001, tại tỉnh G; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Y1 - sinh năm 1977; Mẹ: H - sinh năm 1978. Cha mẹ bị cáo đều trú tại: Thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Y: Bà Nguyễn Hoàng Kim L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

Bị hại: G, sinh năm 1982 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà P, sinh năm 1985 (là vợ của bị hại). Địa chỉ: Thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh AY, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người giám hộ cho anh AY: Ông B1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng Bana: Anh Nh. Địa chỉ: Làng ĐB, xã ĐT, huyện M, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 07 giờ ngày 04/10/2022, Y (có giấy phép lái xe hạng A1 theo quy định) điều khiển xe mô tô biển số 81B3 – 003.72 chở theo phía sau AY (sinh năm 2006, trú tại thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G) đi cắt lúa tại thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G. Sau khi cắt lúa xong thì Y điều khiển xe mô tô trên chở AY lưu thông trên đường liên huyện Đ đi huyện C, tỉnh G theo hướng xã Glar đi xã IB để về nhà AY. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G do Y điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát và không làm chủ tốc độ nên đã tông vào anh G đang đi bộ từ bên trái sang bên phải theo hướng xã A Dok đi xã IB và đã đi đến sát mép đường bên phải phía trước.

Hậu quả: Anh G bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G đến ngày 18/10/2022 thì chết; Y bị thương điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G đến ngày 05/10/2022 thì xuất viện; AY bị xây sát nhẹ; xe mô tô biển số 81B3 – 003.72 bị hư hỏng một phần.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo Kết luận giám định pháp y về tử thi số 715/KL-KTHS ngày 18/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G kết luận: G chết do chấn thương sọ não.

Tại biên bản kiểm tra ma túy, nồng độ cồn hồi 20 giờ 33 phút và 21 giờ 30 phút ngày 04/10/2022 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G của Công an huyện Đ kết luận: Y không có nồng độ cồn và âm tính đối với ma túy.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông được thể hiện như sau:

+ Là đường liên huyện Đ đi huyện C, tỉnh G thuộc thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G. Mặt đường được trải bê tông nhựa, thẳng, rộng 6,3m, là đường hai chiều, không có vạch kẻ phân chia làn đường, không có lề đường, không có điện đường.

+ Chọn mép đường bên phải theo chiều đi từ xã Glar đi xã IB làm mép đường chuẩn, các dấu vết được đo vào mép đường chuẩn.

+ Lấy trụ điện ký hiệu 473/F19/121 bên trái đường làm điểm mốc.

- Sau khi tai nạn xảy ra trên hiện trường để lại 01 vết màu đỏ, nghi là máu (ký hiệu 01) và 01 vết cày (ký hiệu 02), xe mô tô biển số 81B3 - 003.7 (ký hiệu 03) cụ thể như sau:

+ Vết 01 có diện (0,02 x 0,02)cm. Tâm vết cách mép đường chuẩn là 0,5m, cách đầu vết cày 02 là 7m. Tâm vết cách trụ điện ký hiệu 473/F19/121 là 13,8m.

+ Vết 02 có dạng đứt quãng trong diện (8,2 x 0,01 x 0,0005)m có chiều hướng từ xã Glar đi xã IB. Điểm đầu vết cách mép đường chuẩn là 4m, điểm cuối vết cách mép đường chuẩn là 8,3m và nằm ngay góc chân giữa bên trái của xe mô tô biển số 81B3 - 003.72.

+ Xe mô tô biển số 81B3 - 003.72 nằm ngã nghiêng sang bên trái đầu xe chệch vào lề bên trái, trực sau xe mô tô cách mép đường chuẩn là 9,1m.

Dấu vết để lại trên xe mô tô biển số 81B3 - 003.72 sau tai nạn:

- + Ôp kính bảo vệ đồng hồ xe bị bể vỡ trong diện (10 x 13)cm;
- + Mặt kính gương chiếu hậu bên trái bị bể vỡ hoàn toàn;
- + Tay côn bị cà mòn kim loại trong diện (1 x 1)cm và có bám dính đất;
- + Mặt nạ xe bên phải bung hở khỏi vị trí định vị, độ hở 1cm;
- + Mặt nạ xe bên trái bị cà mòn nhựa trong diện (24 x 5)cm
- + Yếm xe bên phải bung hở khỏi vị trí định vị, độ hở 5cm;
- + Yếm xe bên trái bị cà mòn nhựa trong diện (20 x 12)cm;
- + Góc đế chân phía trước bên trái cong vênh kim loại chiều hướng từ trước ra sau. Phần cao su của góc đế chân giữa bên trái bị bung lệch khỏi vị trí trục kim loại.
- + Công tắc bật đèn xe ở trạng thái mở.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 81B3 - 003.72 hiệu Honda, nhãn hiệu Winer, màu sơn đỏ - đen thu giữ tại hiện trường và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 81006136 của xe mô tô biển số 81B3 - 003.72 (bản phô tô) do Y giao nộp. Quá trình điều tra xác định là của Y nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 620213004468 mang tên Y do Y giao nộp chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý tại giai đoạn xét xử.

3. Về Dân sự:

- Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã tác động gia đình (cụ thể là anh Y cha bị cáo) bồi thường cho đại diện bị hại số tiền 92.775.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn bãi nại và không yêu cầu gì khác. Anh Y không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên

- AY bị xây sát nhẹ nên không yêu cầu giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 05 năm.

Về dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên xử bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, cho bị cáo hưởng án treo; Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/10/2022, Y điều khiển xe mô tô biển số 81B3 - 003.72 chở theo phía sau AY lưu thông trên đường liên huyện Đ đi huyện C, tỉnh G theo hướng xã Glar đi xã IB. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn B, xã AD, huyện Đ, tỉnh G do Y điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát và không làm chủ tốc độ nên đã tông vào anh G đang đi bộ từ bên trái sang bên phải theo hướng xã A Dok đi xã IB và đã đi đến sát mép đường bên phải phía trước. Hậu quả: Anh G chết.

Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là lỗi hỗn hợp nhưng nguyên nhân chính là do Y điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi phát hiện anh G đi bộ qua đường nhưng không chú ý quan sát, không giảm tốc độ nhường đường cho người đi bộ nên dẫn đến tai nạn.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự giao thông đường bộ, xâm phạm quyền được bảo vệ về tính mạng của công dân, đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ, khắc phục hậu quả cho gia đình nạn nhân; đại diện gia đình nạn nhân có đơn bãi nại cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét đầy đủ về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cho hưởng án treo là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[2] Về dân sự: Giữa bị cáo với đại diện hợp pháp gia đình bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại. Đại diện hợp pháp gia đình bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số 620213004468 hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh K cấp ngày 30/12/2021 cho Y.

[4] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Quyết định số 861/QĐ-Ttg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Y phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Y 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án 11/5/2023.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã AD, huyện Đ, tỉnh G nơi bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe số 620213004468 hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh K cấp ngày 30/12/2021 cho Y.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/5/2023).

Đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã AD, huyện Đ
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H